

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 7 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Hạnh, ông Nguyễn Xuân Định.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 10/7/2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2024/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Ngô Trần Quỳnh T**, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Xóm A, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh **Đình Văn T1**, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Thôn M, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị **T**, anh **T1** (chị **T** có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; anh **T1** vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị **Ngô Trần Quỳnh T** trình bày: Chị và anh **Đình Văn T1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định ngày 29/7/2019. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì khoảng 02 năm trở lại đây giữa chị và anh **T1** phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm nên đời sống chung căng thẳng, không có hạnh phúc. Chị đã chủ động về nhà bố mẹ đẻ sinh sống 02 năm nay. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh **T1** không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Đình Văn T1**.

Về con chung: Chị và anh **Đình Văn T1** có 02 con chung là cháu **Đình Ngọc Bảo C**, sinh ngày 05/7/2019 và **Đình Trần Trung A**, sinh ngày 16/02/2021. Chị có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu **Bảo C** và để anh **T1** nuôi dưỡng cháu **Trung A**. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị **T** không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh **T1** đến làm việc nhưng anh **T1** vắng mặt không lý do.

3. Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện nội dung: Anh **Đình Văn T1** và chị **Ngô Trần Quỳnh T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định** ngày 29/7/2019. Quá trình chung sống anh **T1** và chị **T** có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **T1** đi làm công ty có bạn bè dẫn đến việc chị **T** ghen tuông, xảy ra bất đồng. Chị **T** chủ động sống ly thân anh **T1** khoảng 01 năm nay. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết theo đơn ly hôn của chị **T**, anh **T1** đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý, anh **T1** biết được việc chị **T** đang có đơn xin ly hôn, quan điểm của anh **T1** mong muốn được đoàn tụ nhưng do hiện nay đang bận công việc nên không đến Tòa án để làm việc được. Về con chung giữa anh **T1** và chị **T** có 02 con chung là cháu **Đình Ngọc Bảo C**, sinh ngày 05/7/2019 và **Đình Trần Trung A**, sinh ngày 16/02/2021. Anh **T1** có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân giữa anh **T1** và chị **T** không có gì liên quan.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị **T**, địa phương đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh **T1**, anh **T1** biết việc chị **T** xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Ý Yên nhưng do bận đi làm nên anh không đến Tòa án **huyện Ý, tỉnh Nam Định** để giải quyết vụ án được. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định để giải quyết vụ án theo đúng pháp luật.

4. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, chị **T** có mặt, anh **T1** vắng mặt. Chị **T** có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh **T1** theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chị **T** xin giải quyết vắng mặt. Anh **T1** mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của

chị **T** đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung:

Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Ngô Trần Quỳnh T**.

Về con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung cháu **Đinh Ngọc Bảo C**, sinh ngày 05/7/2019 cho chị **Ngô Trần Quỳnh T** trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung cháu **Đinh Trần Trung A**, sinh ngày 16/02/2021 cho anh **Đinh Văn Trung trực t** nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc chị **T** phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị **T** có đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh **T1** mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Ngô Trần Quỳnh T** và anh **Đinh Văn T1** tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 29/7/2019 tại Ủy ban nhân dân xã **Y**, huyện **Ý**, tỉnh **Nam Định**. Đây là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn

nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, hay xảy ra va chạm dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị **T** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết xin ly hôn với anh **T1**. Về phía anh **T1**, mặc dù anh biết việc chị **T** xin ly hôn, đã được Toà án triệu tập để tham gia tố tụng, thông báo để hoà giải cho anh chị nhưng anh **T1** vẫn cố tình vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với chị **T** nữa. Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng anh **T1** vẫn vắng mặt. Chị **T** đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án và kiên quyết xin ly hôn anh **T1** nên Toà án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị **T**, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị **T** và anh **T1** có 02 con chung là cháu **Đình Ngọc Bảo C**, sinh ngày 05/7/2019 và **Đình Trần Trung A**, sinh ngày 16/02/2021. Việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm, nghĩa vụ, là quyền lợi của cha mẹ. Hiện nay chị **T** và anh **T1** đều là người khỏe mạnh, bình thường, đang trong độ tuổi lao động và có thu nhập nên hoàn toàn có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Để san sẻ trách nhiệm cũng như tạo mọi điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất, tinh thần cho con chung, Hội đồng xét xử thấy cần giao mỗi người nuôi dưỡng một con chung. Do vậy, giao con chung cháu **Đình Ngọc Bảo C** cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung cháu **Đình Trần Trung A** cho anh **Trung trực t** nuôi dưỡng để các cháu có được môi trường phát triển tốt nhất, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị **T**, anh **T1** không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc chị **T** phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị **Ngô Trần Quỳnh T** và anh **Đình Văn T1**.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu **Đình Ngọc Bảo C**, sinh ngày 05/7/2019 cho chị **Ngô Trần Quỳnh T** trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là cháu **Đình Trần Trung A**, sinh ngày 16/02/2021 cho anh **Đình Văn Trung t** trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị **Ngô Trần Quỳnh T** phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003572, ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị **T** đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị **Ngô Trần Quỳnh T** và anh **Đình Văn T1** vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Lộc, huyện Ý Yên;
- UBND xã Hồng Thuận, huyện Giao Thủy;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Ngọc Bích